

Bản án số: 05/2019/DS-PT
Ngày 16-01-2019
V/v đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;
Ông Hồ Đức Châm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân, tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc “Đòi nợ (tiền)”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Sầm Thanh Đ; địa chỉ: Phố H, xã V, huyện Q, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị A; địa chỉ: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Vũ Thị N; địa chỉ: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Như B1; địa chỉ: Khối phố Trần Đăng C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Hà Thị A – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Sầm Thanh Đ và bà Hà Thị A có quan hệ giao dịch mua bán hàng hoa hoi với nhau từ những năm 2000 đến năm 2006 thì thôi không có quan hệ giao

dịch làm ăn nữa vì sau năm 2006 bà Sầm Thanh Đ đi Ănggôla sinh sống, lao động. Đến năm 2017 hai bên lại tiếp tục có quan hệ giao dịch mua bán hoa hồi với nhau.

Theo bà Sầm Thanh Đ sau mỗi một ngày cân hàng thì bà Hà Thị A ghi vào sổ của bà Đ số lượng hàng, tiền hàng, số tiền đã thanh toán, số nợ còn lại. Có ngày sau cân hàng xong có tiền thì bà A trả tiền cho bà Đ luôn; cũng có ngày cân hàng xong bà A chưa có tiền trả ngay hoặc chưa đủ tiền để trả hết số hàng thì bà A đều ghi vào sổ của bà Đ số tiền còn nợ. Theo bà Sầm Thanh Đ tính từ ngày 08/5/2017 đến ngày 30/7/2017, bà Hà Thị A còn nợ bà Đ số tiền hàng là 570.770.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Sau khi chốt số tiền nợ thì bà A có nói khi nào nhận được tiền hàng về thì bà A sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho bà Đ. Kể từ ngày 30/7/2017 đến nay bà A đã trả cho bà Đ tổng số tiền: 272.881.000 đồng (25/8/2017 trả 217.881.000 đồng; ngày 21/11/2017 trả tiếp 50.000.000 đồng; ngày 13/02/2018 trả tiếp cho bà Đ 5.000.000 đồng). Hiện bà A còn nợ bà Đ 297.889.000 đồng, bà đã nhiều lần gọi điện và đến nhà đòi bà A trả số tiền còn lại, bà Hà Thị A nhiều lần hứa sẽ trả bà Sầm Thanh Đ số tiền trên nhưng đến thời điểm hiện nay bà A không trả cho bà Đ. Vì vậy bà Sầm Thanh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hà Thị A phải trả cho bà Đ số tiền nợ là 297.889.000 đồng, bà không yêu cầu bà A phải trả lãi số tiền trên.

Theo bà Hà Thị A, bà bắt đầu tiếp tục giao dịch mua hoa hồi với bà Sầm Thanh Đ ngày 08/5/2017. Quá trình mua bán bà có sổ ghi chép mua hàng, được cập nhật theo ngày mua. Sau khi cân hàng, khi có tiền thì bà trả luôn, không đủ tiền trả thì cũng ghi số tiền trả và số tiền còn nợ. Bà Hà Thị A thừa nhận ngày 30/7/2017 bà Sầm Thanh Đ yêu cầu bà cộng sổ, do khi cộng sổ bà A không mang sổ đi theo nên bà Đ nói với bà A là cứ ghi số tiền tính đến ngày 30/7/2017 bà A còn nợ bà Đ số tiền 570.770.000 đồng, khi nào về bà A xem sổ nếu có gì chưa chính xác thì chị em sẽ điều chỉnh lại cho nhau. Do tin tưởng nên bà A cũng ghi số tiền nợ tính đến ngày 30/7/2017 bà còn nợ bà Đ là 570.770.000 đồng. Nhưng lần chốt nợ ngày 30/7/2017 bà còn ghi sót hai lần thanh toán tiền trước ngày 30/7/2017 trong sổ của bà Đ đó là lần thanh toán vào ngày 23/5/2017 số tiền là 50.000.000 đồng, lần trả đó bà A đưa tiền mặt, nhờ anh Nguyễn Như B1, trú tại khối phố Trần Đăng C, thị trấn B, huyện B là người lái xe thuê cho gia đình bà cầm vào nhà bà Đ để trả cho bà Đ và lần thanh toán ngày 09/5/2017 qua Ngân hàng 140.000.000 đồng. Ngày 11/8/2017 con dâu bà Hà Thị A là chị Vũ Thị N còn chuyển trả cho bà Sầm Thanh Đ qua tài khoản của ông Cù Văn P (lái xe do bà Đ thuê) 4.000.000 đồng, ngày 04/6/2017 bà Hà Thị A trả tiền xe cho bà Đ chở hàng từ Tân Thanh về Bắc Sơn (đưa thẳng cho lái xe, không biết họ tên, địa chỉ người lái xe đó) với số tiền 6.200.000 đồng, số tiền này bà Hà Thị A đã ghi vào sổ tiền hàng của bà A mua của bà Đ nhưng bà Đ không trừ cho bà A. Quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Thị A cho rằng chỉ còn nợ bà Sầm Thanh Đ số tiền 167.582.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Hà Thị A cho rằng do cộng nhầm nên khoản tiền ngày 15/5/2017 bà A được trả cho bà Đ 02 lần tiền nhưng không biết trừ

vào tiền hàng của bà Đ. Do vậy, sau khi cộng, trừ các khoản tiền mà bà A đã được thanh toán cho bà Đ thì hiện nay bà A chỉ còn nợ bà Đ số tiền là 67.586.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ngày 25/9/2018, bà Hà Thị A có đơn yêu cầu phản tố nội dung bà Sầm Thanh Đ còn nợ bà A tiền mua gỗ năm 2006 là số tiền 14.900.000 đồng và yêu cầu bà Đ phải thanh toán số tiền trên cho bà A để bù trừ nghĩa vụ trả nợ, bà Đ thừa nhận còn nợ bà A tiền mua gỗ là 8.000.000 đồng không phải nợ 14.900.000 đồng. Bà Đ không đồng ý thanh toán khoản tiền gỗ trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị N - Con dâu của bà Hà Thị A xác nhận: Trong năm 2017 và 2018, chị được mẹ chồng là bà Hà Thị A nhờ chuyển trả tiền hộ cho bà Sầm Thanh Đ vào các ngày 01/6/2017 số tiền 200.000.000 đồng; ngày 14/7/2017 số tiền 100.000.000 đồng; ngày 11/8/2017 số tiền 4.000.000 đồng (chuyển qua tài khoản của ông Cù Văn P) và ngày 13/02/2018 số tiền 5.000.000 đồng.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Như B1 xác nhận ngày 23/5/2017 bà Hà Thị A đưa cho anh số tiền 50.000.000 đồng và nói là nhờ đưa trả cho bà Sầm Thanh Đ, sau khi bà A đưa tiền thì anh B1 đã mang tiền vào trả cho bà Đ luôn. Sau khi trả tiền xong anh B1 ra về, anh B1 không được ký vào sổ của bà Đ hay viết giấy tờ gì về việc đã trả số tiền 50.000.000 đồng hộ bà A.

Ông Dương Quang H1 - Phụ xe xác nhận ngày 23/5/2017 ông nhìn thấy bà Hà Thị A đã đưa tiền cho anh Nguyễn Như B1 nhờ anh B1 mang vào nhà trả cho bà Sầm Thanh Đ số tiền hàng là 50.000.000 đồng, lúc anh B1 trả tiền bà Đ giữa các bên có viết giấy tờ gì không thì ông không biết, vào một lúc thì ông H1 thấy anh B1 đi ra và lên xe đi về.

Với nội dung vụ kiện như trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 200 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 275; 280; 357 Bộ luật Dân sự; khoản 1, 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thanh Đ. Buộc bà Hà Thị A phải trả cho bà Sầm Thanh Đ số tiền còn nợ là 293.889.000 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hà Thị A. Buộc bà Sầm Thanh Đ phải trả cho bà Hà Thị A số tiền gỗ còn nợ năm 2006 là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Số tiền này sẽ được bù trừ vào phần nghĩa vụ trả nợ của bà Hà Thị A đối với bà Sầm Thanh Đ.

Do yêu cầu phản tố của bà Hà Thị A được chấp nhận nên bà Hà Thị A còn phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Sầm Thanh Đ số tiền nợ là

285.889.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn đồng).

3. Về án phí: Bà Hà Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà Đ được chấp nhận là 14.694.450 đồng và phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận là 345.000 đồng. Tổng cộng bà Hà Thị A phải chịu án phí sơ thẩm là 15.039.450 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hà Thị A đã nộp 372.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Bà Hà Thị A còn phải nộp tiếp 14.667.450 đồng (Mười bốn triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

Bà Sầm Thanh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng và phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận là 400.000 đồng. Tổng cộng bà Sầm Thanh Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp là 7.447.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, bà Sầm Thanh Đ được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 6.747.000 đồng (sáu triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ phải chịu lãi xuất nếu chậm trả, tuyên quyền kháng cáo cho các bên.

Trong hạn luật định ngày 26/11/2018 bà Hà Thị A kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:

1. Bà Hà Thị A xác định bà bắt đầu cân hàng với bà Sầm Thanh Đ từ ngày 08/5/2017, và trong sổ mua bán hàng của bà Đ cũng thể hiện ngày cân hàng đầu tiên là 08/5/2017. Khoản tiền 140.000.000 đồng bà A thanh toán cho bà Đ ngày 09/5/2017 qua Ngân hàng, bản án sơ thẩm nhận định đây là khoản tiền thanh toán tiền hàng cho hai chuyến hàng đầu tiên ngày 05/5/2017 và 07/5/2017, nhưng tại phiên tòa bà Đ cung cấp được chứng cứ của hai lần cân hàng này.

2. Đối với khoản tiền 50.000.000 đồng bà Hà Thị A giao cho anh Nguyễn Như B1 mang vào nhà đưa cho bà Sầm Thanh Đ, trong sổ giao hàng của bà Đ không ghi, nhưng anh B1 người làm chứng cũng xác nhận số tiền này anh B1 đã được giao cho bà Đ.

3. Đối với khoản tiền thanh toán tiền xe cho bà Sầm Thanh Đ là 6.200.000 đồng trong sổ của bà Hà Thị A có ghi khoản này và đã cộng vào tiền hàng của bà Đ, nhưng Tòa án sơ thẩm không chấp nhận, bà đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận. Sau khi cộng sổ theo dõi mua hàng và thanh toán hàng bà xác định hiện bà chỉ còn nợ bà Đ 89.689.000 đồng (tám mươi chín triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng) không phải như số tiền bản án sơ thẩm đã xác định là 293.889.000 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Bà đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận cho bà các khoản tiền trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hà Thị A giữ nguyên nội dung kháng cáo. Lý do khi chốt sổ nợ với bà Sầm Thanh Đ, sổ theo dõi mua hàng và thanh toán tiền hàng của bà không biết để đâu, chưa tìm thấy nên bà và bà Đ tạm chốt với nhau các khoản tiền thanh toán, nên trong sổ bà Đ không ghi đầy đủ số lần thanh toán. Sau này về tìm thấy sổ hàng, bà Hà Thị A yêu cầu đối chiếu lại thì bà Sầm Thanh Đ không đồng ý đối chiếu. Bà A thừa nhận sổ bà Đ xuất trình tại tòa là sổ bà Đ ghi và bà ký, tổng hợp từ ngày mua đến ngày chấm dứt mua bán ngày 30/7/2017, nhưng thực tế ngày chốt nợ là vào tháng 12/2017.

Bà Sầm Thanh Đ tại phiên tòa cho rằng bà và bà Hà Thị A bắt đầu mua bán hàng từ ngày 05/5/2017, khi mua hàng bà A ghi tiền hàng và số tiền thanh toán trả trong sổ của bà. Do bà A nợ bà quá nhiều tiền nên ngày 08/5/2017 bà mới lập sổ. Bà Đ thừa nhận ngày 09/5/2017 bà được nhận 140.000.000 đồng bà A trả qua ủy nhiệm chi tại Ngân hàng. Nhưng theo bà đây là số tiền hàng bà A còn nợ tiền hàng của ngày 05/5/2017 và ngày 07/5/2017. Bà không thừa nhận được nhận số tiền 50.000.000 đồng bà A trả qua lái xe và không được nhờ bà A trả hộ tiền xe là 6.200.000 đồng.

Anh Nguyễn Như B1 tại phiên tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Ý kiến Kiểm sát viên tại phiên tòa: Từ khi thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy ngày 08/5/2017 bà Hà Thị A và bà Sầm Thanh Đ bắt đầu tiếp tục có giao dịch mua bán, đến ngày 30/7/2017 thì chốt sổ nợ với nhau. Các khoản ghi trong sổ bà Sầm Thanh Đ về việc cân hàng (có khoản nợ - khoản trả) được bà Hà Thị A tự tay ghi vào sổ bà Đ. Đối với số tiền 140.000.000 đồng, bà Sầm Thanh Đ thừa nhận được nhận qua Ngân hàng ngày 09/5/2017 nhưng là khoản tiền trả cho khoản nợ trước ngày 08/5/2017. Nhưng do trước đó bà Hà Thị A mua bán hoa hồng với bà nhưng thấy bà A không nợ nên không lập sổ, sau này thấy bà A nợ quá nhiều nên ngày 08/5/2017 mới yêu cầu ghi sổ nợ. Trình bày của bà Sầm Thanh Đ mâu thuẫn về thời gian lập sổ ghi nợ và phù hợp với lời trình bày của bà Hà Thị A tại phiên tòa về thời gian lập sổ ghi nợ. Tại phiên tòa bà Đ không cung cấp được sổ hàng, mã hàng và giá tiền cân hàng trước ngày 08/5/2017. Như vậy có cơ sở chấp nhận khoản tiền 140.000.000 đồng bà A chuyển khoản cho bà Đ thanh toán khoản nợ ngày 08/5/2017. Đối với khoản tiền 50.000.000 đồng thanh toán qua anh Nguyễn Như B1 lái xe của bà Hà Thị A, bà Sầm Thanh Đ không thừa nhận, ngoài lời khai của anh Nguyễn Như B1, ông Dương Quang H1 không có tài liệu nào khác chứng minh. Nhân chứng có mối quan hệ quen biết với bà Hà Thị A (lái xe cho bà A) nên những người làm chứng này không khách quan. Đối với khoản tiền 6.200.000 đồng bà Hà Thị A không cung cấp được tên tuổi, địa chỉ của người nhận tiền, bà Sầm Thanh Đ không thừa nhận được nhờ bà A thanh toán, ngoài lời khai của bà A cũng không có tài

liệu chứng minh. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần án sơ thẩm, chấp nhận khoản tiền 140.000.000 đồng, không chấp nhận khoản tiền 50.000.000 đồng thanh toán qua lái xe và khoản tiền 6.200.000 đồng bà A thanh toán trả cho lái xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo các tài liệu chứng từ sổ sách và lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay có cơ sở xác định bà Sầm Thanh Đ và bà Hà Thị A có mối quan hệ quen biết và làm ăn buôn bán hoa hồng với nhau từ những năm 2003, sau vài năm thì thôi không giao dịch mua bán nữa. Quan hệ mua bán bắt đầu được lập lại từ ngày 08/5/2017. Việc cập nhật ngày mua hàng, số hàng, tiền hàng, số tiền thanh toán, số nợ bà Hà Thị A có tự mình ghi sổ theo dõi trả nợ riêng, đối với bà Sầm Thanh Đ thì cho rằng việc ghi sổ và theo dõi thanh toán tiền hàng, nợ cũ còn lại bà không ghi mà do bà A ghi và theo dõi. Theo sổ sách các bên cung cấp thấy, mua bán giữa bà Sầm Thanh Đ và bà Hà Thị A bắt đầu từ ngày 08/5/2017, chấm dứt từ ngày 04/6/2017. Ngày 30/7/2017 hai bên thống nhất xác định số tiền hàng bà Hà Thị A còn nợ bà Sầm Thanh Đ là 570.000.000 đồng. Vì vậy bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản (tiền hàng còn nợ) là đúng quan hệ pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Hà Thị A về số tiền chuyển khoản 140.000.000 đồng ngày 09/5/2017 qua Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy, trong sổ theo dõi cập nhật ngày bán hàng, số hàng, tiền hàng, số tiền hàng đã thanh toán, số nợ còn lại do bà Sầm Thanh Đ cung cấp, thì thời gian giao dịch mua bán là ngày 08/5/2017, và tiền hàng trị giá là 321.723.000 đồng. Các ngày tiếp theo cân hàng trong sổ đều ghi rõ tổng giá trị số tiền hàng mới cân, số tiền bà A thanh toán và nợ cũ còn lại. Theo số liệu tại trang 7 thì tính đến ngày 03/6/2017, tổng nợ cũ bà A còn nợ bà Đ số tiền: 141.436.000 đồng, tại trang 8 thể hiện sau ngày 03/6/2017 bà Hà Thị A đã thanh toán tiếp cho bà Sầm Thanh Đ tổng số tiền: 830.000.000 đồng, và sau ngày 03/6/2017 trong sổ của bà Đ không thể hiện giữa hai bà có giao dịch mua bán phát sinh. Theo số liệu trong sổ bà Sầm Thanh Đ thì bà Hà Thị A đã thanh toán vượt 688.564.000 đồng so với số tiền hàng nợ bà Đ. Tuy nhiên tại trang 9 hai bên lại chốt nợ đến 30/7/2017 bà A còn nợ 570.000.000 đồng là mâu thuẫn. Như vậy lời trình bày của bà Hà Thị A về thời gian bà Sầm Thanh Đ lập sổ ghi nợ không cập nhật hàng ngày mà sau này khi không còn giao dịch mới lập sổ. Bà Sầm Thanh Đ thừa nhận ngày 09/5/2017 được nhận 140.000.000 đồng bà Hà Thị A chuyển qua Ngân hàng và cho rằng đây là khoản tiền bà A thanh toán số tiền còn nợ của các chuyển hàng ngày 05/5/2017 và 07/5/2017 cho bà Đ nhưng tại phiên tòa bà Đ không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh ngày 05/5/2017 và ngày 07/5/2017 giữa hai bà có giao dịch mua bán.

[3] Theo sổ ghi hàng bà A cung cấp cập nhật từng ngày mua hàng, giá trị tiền hàng, số tiền thanh toán, thì thời gian giao dịch mua bán cũng bắt đầu thực hiện ngày 08/5/2017 kết thúc mua ngày 04/6/2017. Trong sổ bà Đ không thể hiện ngày 04/6/2017 có giao dịch mua bán. Theo sổ ghi hàng của bà A thì ngày

04/6/2017 hai bên có giao dịch mua bán, lượng hàng và số tiền hàng đối chiếu với các lần thanh toán ghi trong sổ bà Đ thì số tiền bà A thanh toán cho bà Đ cả số tiền hàng ngày 04/6/2017 cộng nợ cũ tính đến ngày 03/6/2017 là 141.436.000 đồng, so với thời gian thanh toán và số tiền bà A đã thanh toán sau ngày 04/6/2017 thì bà A đã thanh toán vượt 94.728.000 đồng. Chưa tính các lần thanh toán sau ngày chốt nợ 30/7/2017. Bản thân bà A trong các bản khai cũng xác định số nợ không thống nhất.

[4] Với các tài liệu là sổ ghi hàng, thanh toán tiền hàng do các bên cung cấp có trong hồ sơ, thì giá trị số hàng bán, các lần thanh toán tiền hàng có nhiều mâu thuẫn và không thống nhất, nhưng trên cơ sở chốt nợ ngày 30/7/2017 các bên đều thừa nhận số tiền bà A còn nợ là 570.770.000 đồng và bản thân bà A sau ngày chốt nợ cùng đã thanh toán tiếp cho bà Đ 272.881.000 đồng. Như vậy có cơ sở xác định sau ngày 04/6/2017 bà A có nợ tiền hàng bà Đ.

[5] Tại phiên tòa, bà Hà Thị A cho rằng ngày chốt nợ bà không có sổ theo dõi mua hàng nên số lần thanh toán ghi không chính xác, không đầy đủ và có tính chất tạm thời. Ý kiến của bà A về việc sổ hàng của bà Sầm Thanh Đ xuất trình tại tòa là sổ chốt tạm thời, không chi tiết và đầy đủ là có cơ sở bởi theo thời gian cập nhật hàng và số tiền hàng trong sổ bà Đ thì thời gian cập nhật không theo trình tự về thời gian, thể hiện mã thanh toán ngày 25/8/2017 bà A thanh toán 217.881.000 đồng, nhưng bà Đ thừa nhận trong số tiền này có thêm khoản tiền 4.000.000 đồng con dâu bà A thanh toán trả qua tài khoản của anh Cù Văn P, được đối trừ vào số tiền bà Đ mua hồi tươi ngày 25/8/2017 với bà A, nhưng trong sổ hàng của bà Đ chỉ thể hiện bà A đã trả cho bà Đ tổng số tiền trên vào ngày 25/8/2017, không ghi chi tiết, đầy đủ các mã lần thanh toán. Tại sổ mua hàng bà Sầm Thanh Đ cung cấp tại tòa thể hiện ngày 08/5/2017 hai bên mới xác lập giao dịch mua bán. Số tiền 140.000.000 đồng bà Hà Thị A chuyển khoản qua ngân hàng ngày 09/5/2017 là sau ngày 08/5/2017 là ngày hai bên bắt đầu xác lập quan hệ mua bán. Vì vậy có cơ sở xác định đây là khoản tiền thanh toán nợ của bà Hà Thị A cho giá trị hàng của giao dịch ngày 08/5/2017 do đó kháng cáo của bà Hà Thị A về nội dung này có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với khoản tiền 50.000.000 đồng thanh toán ngày 23/5/2017 qua anh Nguyễn Như B1 lái xe của bà Hà Thị A, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay, anh B1 và bà A đều cho rằng đã được chuyển tiền mặt trực tiếp cho bà Sầm Thanh Đ số tiền trên vào ngày 23/5/2017. Việc giao và nhận tiền giữa anh Nguyễn Như B1 và bà Hà Thị A là có cơ sở bởi hai bên đều thừa nhận. Nhưng bà Sầm Thanh Đ không thừa nhận được nhận số tiền trên, ngoài lời khai anh B1 và bà A không có chứng cứ chứng minh bà Đ đã nhận số tiền này, mặt khác giữa anh B1 và bà A có mối quan hệ thân thiết vì anh B1 là lái xe của bà A nên lời trình bày của anh B1 không khách quan, ngoài lời khai không có tài liệu chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[7] Đối với khoản tiền xe 6.200.000 đồng bà Hà Thị A thanh toán trả hộ bà Sầm Thanh Đ ngày 04/6/2017, bà Đ cho rằng không được nhờ bà A thanh

toán. Bà Hà Thị A ngoài lời khai không có tài liệu chứng minh. Vì vậy nội dung kháng cáo này của bà A không có cơ sở chấp nhận.

[8] Nhận định này phù hợp với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[9] Do kháng cáo của bà Hà Thị A được chấp nhận một phần nên bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Sầm Thanh Đ phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch tương ứng với số tiền bà A được chấp nhận. Bà Hà Thị A phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch tương ứng với số tiền bà Đ được chấp nhận.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 275; 280; 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1, 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, sửa một phần bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn cụ thể:

1. Buộc bà Hà Thị A phải thanh toán cho bà Sầm Thanh Đ số tiền còn nợ là 153.889.000 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn đồng). Kể từ ngày bà Sầm Thanh Đ có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bà Hà Thị A chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sầm Thanh Đ phải chịu 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) án phí theo giá ngạch sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp là 7.447.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0000085 ngày 21/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Bà Sầm Thanh Đ được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 447.000 đồng (bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Bà Hà Thị A phải chịu 7.694.450 đồng (bảy triệu sáu trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm năm mươi đồng) sung công quỹ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hà Thị A đã nộp 372.000 đồng theo biên lai nộp tiền số 0000094 ngày 27/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Bà Hà Thị A tiếp tục phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.322.450 đồng (bảy triệu ba trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Hà Thị A 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2015/0000103 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS h.B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP,KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hồng

